

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **478/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 12 tháng 9 năm 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Kim P**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh T.

(Có mặt chị P, anh D)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim P trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc D chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 19/9/2002. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc do chị không có tình cảm với anh D. Từ năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D nhậu say về đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà. Đến năm 2020, anh D không lo cho gia đình nhiều nữa. Mỗi lần đuổi chị ra khỏi nhà khoảng vài ngày sau thì anh D đến năn nỉ chị quay về. Sự việc xảy ra nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi như lời hứa. Anh D đánh đập vào cơ thể chị, kéo tóc chị, kéo chị lại khi chị bỏ đi. Anh D đến chỗ làm chị quấy rối, có lần anh D báo công an đến chỗ làm chị. Vợ chồng ly thân

từ tháng 6/2022 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc D.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Hoài V, sinh ngày 14/12/1999 và Phạm Hoài T, sinh ngày 28/12/2003 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Ngọc D trình bày: Từ năm 2019, do anh làm ăn thất bại nên tài chính bị thiếu hụt nên anh không phụ giúp gia đình nhiều được. Anh có nhậu say do chị P cần nhần nhiều nhưng anh không có đánh đập chị P, anh không có đuổi chị P ra khỏi nhà mà do chị P giận anh nên bỏ đi, chị P chỉ bỏ đi ba lần. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Anh có đến chỗ làm của chị P nhưng để tìm chị chứ không có gây rối chị P, anh gọi công an đi cùng vì anh lo không vào được chỗ chị P làm. Mỗi lần chị P bỏ đi thì anh kéo chị P lại chứ không có đánh đập chị. Do chị P giận anh nên muốn ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn với chị P do anh còn thương vợ, vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng về tài chính nhưng nay anh đã đi làm có thu nhập ổn định.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Hoài V, sinh ngày 14/12/1999 và Phạm Hoài T, sinh ngày 28/12/2003 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa:

- Chị P trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Phạm Ngọc D nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Phạm Ngọc D.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim P và anh Phạm Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T cấp giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, anh D không đồng ý ly hôn với chị P nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, anh D không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Chị P trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh D và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Phạm Hoài V, sinh ngày 14/12/1999 và Phạm Hoài T, sinh ngày 28/12/2003. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3.4] Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim P được ly hôn với anh Phạm Ngọc D.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Hoài V, sinh ngày 14/12/1999 và Phạm Hoài T, sinh ngày 28/12/2003. Các con đã thành niên và có khả năng lao động.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024981 ngày 28/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã L, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Huyền Ni**